TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1269 /2025/DS-ST
Ngày : 11 - 11 -2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Danh Cư

2/ Bà Dương Triều Xuân

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Võ Thị Bạch Yến – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Nga – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 562/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 497/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Phan Thị D, sinh năm 1974**
Địa chỉ: XY Đường H, phường B (Phường S, Quận T cũ), Thành phố H .
(có mặt)

2. Bị đơn:

- **Ông Mai Thọ T , sinh năm 1972** (vắng mặt)
- **Bà Lưu Cẩm H , sinh năm 1974** (có mặt)

Cùng địa chỉ: yz đường H, phường B (Phường S, Quận T cũ), Thành phố H .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 01 năm 2025, biên bản hòa giải ngày 28/8/2025 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Phan Thị D trình bày:

Ông Mai Thọ T và Bà Lưu Cẩm H vay tiền của Nguyên đơn làm nhiều lần, tổng số tiền vay gốc là 190.000.000 đồng và lãi là 9%/tháng, lãi tính như sau:

+ Ngày 04/10/2018: 40.000.000 đ x 0,9% x 75 = 27.000.000 đồng.
+ Ngày 18/10/2018: 50.000.000 đ x 0,9% x 75 = 33.750.000 đồng.
+ Ngày 04/11/2018: 100.000.000 đ x 0,9% x 75 = 67.300.000 đồng.
Tổng tiền lãi: 128. 250.000 đồng.
Tổng tiền nợ gốc: 190.000.000 đồng.

Tổng tiền nợ gốc và lãi là : 318.250.000 đồng.

Bà Lưu Cẩm H đến nhà Nguyên đơn cùng con gái tên Lan đem theo Giấy vay và 03 lần nhận tiền mặt tại nhà nguyên đơn tại số yz đường H, phường B (Phường S, Quận T cũ), Thành phố H.

Nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết:

Yêu cầu Ông Mai Thọ T và Bà Lưu Cẩm H trả cho nguyên đơn số tiền vay 190.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền vốn vay với lãi suất 9%/tháng là 128.250.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 318.250.000 đồng.

* Tuy nhiên, tại buổi hòa giải ngày 28/8/2025 nguyên đơn Bà Phan Thị D trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả chốt số nợ gốc đến hiện nay là 190.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

***Tại bản tự khai đề ngày 28/8/2025, biên bản hòa giải ngày 28/8/2025, bị đơn Bà Lưu Cẩm H trình bày*:**

Bà Lưu Cẩm H xác nhận chốt số nợ gốc đến hiện nay là 190.000.000 đồng. Phương thức thanh toán: Bà Lưu Cẩm H hứa sẽ trả theo khả năng, có ít trả ít, có nhiều trả nhiều.

Bị đơn Ông Mai Thọ T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Toà nên Toà án không thu được lời khai. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

+ ***Nguyên đơn Bà Phan Thị D trình bày:*** Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn Ông Mai Thọ T và Bà Lưu Cẩm H trả nợ gốc với số tiền là 190.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

+ ***Bị đơn Bà Lưu Cẩm H trình bày****:* Số tiền vay được nhiều lần từ nguyên đơn, bà H dùng để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, chữa bệnh cho chồng là Ông Mai Thọ T và thực hiện các hoạt động kinh doanh để lấy lãi chăm lo cho gia đình.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật từ Điều 70, Điều 71 đến Điều 72, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung vụ án: Bà Phan Thị D yêu cầu buộc Ông Mai Thọ T và Bà Lưu Cẩm H trả cho nguyên đơn số tiền đã vay gốc là 190.000.000 đồng, không tính lãi suất. Hai bên có lập Giấy vay tiền, có thoả thuận lãi suất và thời hạn trả. Tại

phiên toà, bị đơn bà H xác nhận Giấy vay tiền là do gia đình bị đơn bà H viết, ký tên và mang đưa Nguyên đơn bà D giữ. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên bà H chưa trả tiền cho bà D theo thoả thuận. bà H trình bày số tiền vay có được từ bà D , ông T chồng bà có biết, và bà H dùng tiền trên để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, chữa bệnh cho chồng là Ông Mai Thọ T và thực hiện các hoạt động kinh doanh để lấy lãi chăm lo cho gia đình. Do vậy, căn cứ quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2025 của Bà Phan Thị D, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do bị đơn Ông Mai Thọ T và Bà Lưu Cẩm H cư trú tại phường B (Phường S, Quận T cũ), Thành phố H nên theo quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 - vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét, bị đơn Ông Mai Thọ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt Ông Mai Thọ T .

[2]. Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Phan Thị D yêu cầu Ông Mai Thọ T và Bà Lưu Cẩm H trả số tiền đã vay tổng cộng là 190.000.000 đồng, không tính lãi suất, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hợp đồng vay, lãi suất: Bà Phan Thị D cho Ông Mai Thọ T và Bà Lưu Cẩm H vay mượn nhiều lần tổng số tiền là 190.000.000 đồng, các lần vay này hai bên có lập giấy vay (bằng giấy tay ghi tiêu đề là Đơn vay tiền); lãi suất vay: có thỏa thuận lãi suất; thời hạn vay: có thỏa thuận thời hạn trả. Đơn vay tiền là do gia đình bị đơn bà H viết, bà H ký tên và mang đưa Nguyên đơn bà D giữ làm tin để thực hiện việc vay mượn tiền, ông T (chồng bị đơn bà H) cũng biết việc vay mượn trên. Xét, các bên tham gia ký kết Giấy vay tiền trên cơ sở tự nguyện, nội dung của Hợp đồng vay phù hợp với quy định tại Điều 398, Điều 401, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và được các bên đương sự thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà nên Hợp đồng vay trên được xem là hợp pháp làm phát sinh hiệu lực pháp luật.

Sau khi vay mượn, do hoàn cảnh khó khăn nên Bà Lưu Cẩm H đã không trả được tiền vay cho bà D như đã thoả thuận. Bà D đã thông báo đòi tiền vay đến gia đình bà H nhiều lần nhưng không có kết quả. Vì vậy bà D khởi kiện yêu cầu bà H trả cho bà số tiền đã vay mượn là 190.000.000 đồng, không tính lãi suất. Bị đơn bà H cũng đồng ý trả số tiền trên và trình bày là đã sử dụng số tiền vay trên vào mục đích

chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, chữa bệnh cho chồng là Ông Mai Thọ T và thực hiện các hoạt động kinh doanh để lấy lãi chăm lo cho gia đình.

Tại Khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: "*Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:"... 2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;".*

Xét, yêu cầu của nguyên đơn Bà Phan Thị D là có cơ sở theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Bà Phan Thị D: Buộc Ông Mai Thọ T và Bà Lưu Cẩm H có nghĩa vụ phải thanh toán cho Bà Phan Thị D số tiền vay tổng cộng là 190.000.000 (một trăm chín mươi triệu) đồng, không tính lãi suất. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn Bà Phan Thị D không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

+ Bị đơn Ông Mai Thọ T và Bà Lưu Cẩm H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là:

5% x 190.000.000 đồng = 9.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 147, Điều 233, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 357, Điều 468, Điều 398, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2009 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Phan Thị D.

1. Buộc Ông Mai Thọ T và Bà Lưu Cẩm H trả cho Bà Phan Thị D số tiền vay tổng cộng là 190.000.000 (một trăm chín mươi triệu) đồng, không tính lãi suất.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bà Phan Thị D có đơn yêu cầu thi hành án trở đi, nếu Ông Mai Thọ T và Bà Lưu Cẩm H chưa thi hành số tiền nêu trên thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Mai Thọ T và Bà Lưu Cẩm H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.500.000 (chín triệu năm trăm nghìn) đồng.

+ Hoàn trả lại cho Bà Phan Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.956.250 (bảy triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi) đồng theo biên lai thu số 0031309 ngày 01/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Khu vực 10-TP.HCM;
- Cơ quan THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thu Hiệp